

Số: 06 /QĐ - HĐQT - HEPS

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 16/11/2019 (Luật Chứng khoán);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Tổng Giám đốc NXBGD về việc thành lập mới Công ty CPDVXB Giáo dục Hà Nội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội;
- Căn cứ Nghị quyết Số: 08/NQ-HĐQT. NK 2024 -2029 ngày 22/1/2025 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí. Các văn bản trước đây trái với nội dung của Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Các ông (bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Trưởng các phòng ban và toàn thể cán bộ, nhân viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Quang Vinh

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban hành theo Quyết định số 06 /QĐ-HĐQT-HEPS, ngày 22 tháng 01 năm 2025



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	4
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	5
CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	6
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ	6
Điều 9. Công bố thông tin bất thường	7
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu	9
Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty	10
CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	10
Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	10
Điều 13. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ	11
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	13
CHƯƠNG 4 – PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN	13
Điều 15. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin	13
CHƯƠNG 5 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN	14
Điều 16. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin	14
Điều 17. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban/cá nhân liên quan	14
Điều 18. Điều khoản thi hành	14

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ban hành nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật về công bố thông tin cũng như nhu cầu tìm hiểu, cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty và các bên liên quan.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về cách thức, trình tự việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị/phòng/ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin công bố.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty, bao gồm:

- a) Người thực hiện công bố thông tin;
- b) Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ;
- c) Trưởng các đơn vị/phòng/ban có liên quan;
- d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban Điều hành của Công ty

Ban Điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm.

2. Người nội bộ của Công ty

Người nội bộ của Công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 bao gồm:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- c. Giám đốc, các Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- d. Kế toán trưởng;
- e. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

3. Người có liên quan của người nội bộ theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a. Công ty và người nội bộ của Công ty;
- b. Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết;
- c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo khoản 3 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC* bao gồm:

a) Người nội bộ của Công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và Người có liên quan của Người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành;

d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

6. *Ngày công bố thông tin* được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

7. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

8. *Người thực hiện công bố thông tin của Công ty* là cá nhân theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi chứng khoán của Công ty đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do Người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên Trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán của Công ty là Tiếng Việt.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Công ty ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn của thông tin được công bố theo quy định của Pháp luật về quy định này.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty có tên miền: <https://xbgdhn.vn/> do Phòng Tổ chức Hành chính quản lý và vận hành;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD);
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

2. Việc lập Trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Công ty phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Người thực hiện công bố thông tin và Phòng chuyên trách được phân công thực hiện công bố thông tin của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo nguyên tắc:

- a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký/ đăng nhập, bao gồm: Tên truy cập tài khoản, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện thao tác công bố thông tin;

- b) Cách thức đăng tải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

STT	Nội dung công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính ("BCTC") năm đã được kiểm toán		
	<p>BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó được chấp nhận toàn phần.</p> <p>- Và văn bản giải trình khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước. • Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc lãi kỳ trước nhưng lỗ kỳ này hoặc ngược lại. • Lợi nhuận sau thuế TNDN có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang lãi hoặc ngược lại. <p>- Văn bản giải trình trong trường hợp ý kiến kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính.</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Thông tin giải trình (nếu có) phải trên cơ sở BCTC đã được kiểm toán của Công ty</p>
2	Báo cáo thường niên ("BCTN")		
	<p>BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.</p>
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
3.1	<p>Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.</p>	
3.2	<p>Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.</p>	
4	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN)		
4.1	<p>Ngày đăng kí cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng</p>	<p>Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng kí cuối cùng dự kiến.</p>	

	cổ đông thường niên.		
4.2	Thông báo và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).
4.3	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành.	

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, các giải pháp khắc phục (nếu có).

1.1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên;

1.2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

1.3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

1.4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

1.5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

1.6. Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế,

thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

1.7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

1.8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

1.9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty;

1.10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

1.11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

1.12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;

1.13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty;

1.14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

1.15. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

1.16. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

1.17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

1.18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nước ngoài;

2. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

4. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên Trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp dưới đây, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế (theo khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP):

- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ:

a) Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ.

b) Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn;

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 4 điều 9a thông tư số 120/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và Người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và Người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và Người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

2. Người nội bộ và Người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là Người nội bộ của Công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của Công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là Người có liên quan của Người nội bộ của Công ty khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng Khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thông báo cho Công ty khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống

giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư 68/2024/TT-BTC trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

- a) Hoàn tất việc thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 35a Thông tư số 119/2020/TT-BTC;
- b) Hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Khi được chào mua công khai, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác về chào mua công khai.

CHƯƠNG 4 – PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm và yêu cầu
Bước 1 Thông báo thông tin công bố	“Người thực hiện công bố thông tin”: <ul style="list-style-type: none"> • Thông báo thông tin phải công bố tới đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần công bố; • Hiểu rõ các quy định về công bố thông tin.
Bước 2 Cung cấp thông tin định kỳ	Đơn vị/phòng/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> • Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo cần công bố thông tin; • Trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt trước khi chuyển cho “Người thực hiện công bố thông tin”.
Bước 3 Xem xét nội dung	“Người thực hiện công bố thông tin”: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin; • Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời.
Bước 4 Công bố thông tin	“Người thực hiện công bố thông tin”: <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này đúng thời hạn quy định; • Tiếp nhận phản hồi của các kênh công bố thông tin, đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này đều đã được phê duyệt công bố thông tin. • Trường hợp thông tin công bố trên các kênh theo Quy chế này bị cơ quan chức năng từ chối thì phải phản hồi ngay lại bộ đơn vị/phòng/ban phụ trách thông tin công bố để thực hiện lại quy trình từ bước 2.
Bước 5 Lưu trữ	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 17. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban/cá nhân liên quan

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Người thực hiện công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin.

CHƯƠNG 5 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 05 Chương và 18 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban và toàn thể cán bộ, nhân viên chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quang Vinh